

Bản án số: **21/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 23/6/2025

*“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình
có yếu tố nước ngoài”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TQ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông H Lê Tâm và bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà H Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TQ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TQ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2025/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2025, về việc *“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện LB, tỉnh TQ (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh Ma Công H, sinh năm 1988;

Nơi ĐKHTTT: Thôn V, xã B, huyện LB, tỉnh TQ.

Nơi ở hiện nay: N Bản (địa chỉ cụ thể không rõ) (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ma Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Công H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện LB, tỉnh TQ vào ngày 06/7/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015), việc đăng ký do hai bên tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới xin

theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, chị và anh sống cùng gia đình nhà anh H tại thôn V, xã B, huyện LB, tỉnh TQ. T gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, đến năm 2019, vì kinh tế khó khăn, chị nhất trí cho anh Ma Công H đi xuất khẩu lao động tại N Bản để tăng thu nhập cho gia đình, nhưng từ khi đi xuất khẩu lao động anh H không gửi tiền về để chị nuôi con, vợ chồng không còn liên lạc thường xuyên với nhau nên vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. T gian đầu, anh H lao động theo đúng hợp đồng, nhưng hiện nay anh H bỏ ra ngoài làm tự do nên chị và gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh H, chị và gia đình chỉ biết anh H đang lao động và sinh sống tại N Bản. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị và anh H không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TQ xử cho chị được ly hôn với anh Ma Công H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Ma Công Minh N, sinh ngày 03/8/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ma Công Minh N. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung; không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ma Công H hiện đang sinh sống và lao động ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh TQ đã thông báo, gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ma Công H thông qua bà H Thị Gấm là mẹ đẻ của anh Ma Công H (người thân) tại Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Do anh Ma Công H đang sinh sống, lao động ở nước ngoài và chị T không yêu cầu hòa giải, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án mà giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TQ phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Anh Ma Công H đã được người thân trong gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án, thông qua người thân, anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án xét xử vắng mặt anh Ma Công H là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của chị Ma Thị T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định cuộc sống chung của vợ chồng chị Ma Thị T và anh Ma Công H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

hiện mỗi người ở một nước không có khả năng đoàn tụ vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xử cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Ma Công H. Về con chung: Giao con chung là cháu Ma Công Minh N, sinh ngày 03/8/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh Ma Công H cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, chị Ma Thị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị Ma Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Ma Thị T và anh Ma Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện LB, tỉnh TQ vào ngày 06/7/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015) là hôn nhân hợp pháp. Anh H hiện đang sinh sống, lao động ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh TQ.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Ma Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Ma Công H hiện đang sinh sống tại N Bản, anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình để thăm hỏi bố mẹ. Gia đình anh Ma Công H xác định, anh H đang lao động và sinh sống tại nước N Bản nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh H. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ma Công H thông qua mẹ để anh H, gia đình anh H cam kết thông báo cho anh H, qua xác minh gia đình đã thông báo cho anh H biết các văn bản tố tụng của Tòa án, sau khi được thông báo về các tài liệu của Tòa án, anh H đã có ý kiến thông qua mẹ để là anh nhất trí ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào công văn số 230/QLXNC-DD1 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh TQ ngày 04/3/2025, về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh, cho biết anh Ma Công H đã sử dụng hộ chiếu số C5765607 xuất cảnh ngày 06/4/2019 qua sân bay Nội Bài chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ma Thị T và anh Ma Công H là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị T và anh Ma Công H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện LB, tỉnh TQ vào ngày 06/7/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015), việc đăng ký do hai bên tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, chị T và anh sống cùng gia đình nhà anh H tại thôn V, xã B, huyện LB, tỉnh TQ. T gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận, đến năm 2019, vì kinh tế khó khăn, chị T nhất trí cho anh Ma Công H đi xuất khẩu lao động tại N Bản để tăng thu nhập cho gia đình, nhưng từ khi đi xuất khẩu lao động anh H không gửi tiền về để chị T nuôi con, vợ chồng không liên lạc thường xuyên với nhau nên vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TQ xử cho chị được ly hôn với anh Ma Công H. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình và địa phương xác định, vợ chồng chị T, anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, vợ chồng mỗi người ở một nơi, luôn bất đồng, quan điểm, lối sống, hiện không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Ma Thị T và anh Ma Công H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình hòa giải, bản thân chị Ma Thị T và anh Ma Công H đã cố gắng khắc phục nhưng đều không có kết quả. Hiện nay giữa chị Ma Thị T và anh Ma Công H mỗi người ở một nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau. Như vậy, vợ chồng chị T, anh H mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị Ma Thị T và anh Ma Công H có một con chung là cháu Ma Công Minh N, sinh ngày 03/8/2017. Hội đồng xét xử thấy, hiện nay anh Ma Công H đang ở nước ngoài, từ khi anh H đi xuất khẩu lao động đến nay đã 06 năm, anh H chưa về Việt Nam lần nào. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, cháu N có nguyện vọng được ở với chị T. Qua xác minh, thu thập chứng cứ, chị T có thu nhập và chỗ ở ổn định. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con chị T, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu Ma Công Minh N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng

nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định chị và anh H không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ma Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị T và anh Ma Công H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị T về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Ma Công H.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Công Minh N, sinh ngày 03/8/2017 cho chị Ma Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Ma Công H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Ma Thị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003478157 ngày 27/3/2025 của Công ty cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 14 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ. Chị Ma Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/6/2025), anh Ma Công H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh TQ;
- Cục THADS tỉnh TQ;
- UBND xã B, huyện LB (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh H Lê Tâm

Ma Hồng Thắng